

05/02/2024

KHUYẾN NGHỊ

MUA

Giá hợp lý	27,000 VND
Giá hiện tại	21,200 VND
Tiềm năng tăng/giảm	27%

THÔNG TIN CỔ PHIẾU

CP đang lưu hành (triệu)	2.536
Free float (triệu)	1.395
Vốn hóa (tỷ VND)	50,228
KL GDTB 3 tháng (cổ phiếu)	3,459,343
Sở hữu nước ngoài (%)	20.5%
Ngày niêm yết đầu tiên	01/09/2017

CƠ CẤU CỔ ĐÔNG

Commonwealth Bank of Australia (CBA)	20%
Công ty Cổ phần Funderra	4.7%
Khác	75.3%

KHÍA CẠNH TRỌNG YẾU

TTM EPS (VND)	3,507
BVPS (VND)	14,207
Nợ/Tổng tài sản (%)	91%
ROA (%)	2.4%
ROE (%)	26.7%
P/E	5.7x
P/B	1.4x
Tỷ suất cổ tức (%)	N/A

BIẾN ĐỘNG GIÁ CỔ PHIẾU



SƠ LƯỢC VỀ CÔNG TY

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quốc tế Việt Nam (VIB) được thành lập vào năm 1996. VIB hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực huy động vốn, cho vay tín dụng. Ngân hàng còn tham gia các hoạt động thanh toán quốc tế, kinh doanh ngoại hối, đầu tư tài chính, quản lý rủi ro và bảo toàn vốn. VIB được niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE) từ tháng 10/2020.

CHUYÊN VIÊN PHÂN TÍCH

Nguyễn Thị Thảo Vy
vnynguyen@phs.vn

Chuyển đổi số - động lực tăng trưởng giai đoạn mới

- Kết thúc năm 2023, LNST của VIB đạt 8,562 tỷ đồng (+1.1%YoY). Thu nhập lãi thuần tăng 16%YoY lên 17,361 tỷ đồng, trong khi thu nhập ngoài lãi tăng 55.1% lên 4,800 tỷ đồng. VIB đang thực hiện việc tạm ứng cổ tức tiền mặt năm 2023 với tỷ lệ 6%.
- Chúng tôi kỳ vọng năm 2024 khả quan hơn nhờ sự khởi sắc của nền kinh tế, phục hồi tâm lý nhà đầu tư và mặt bằng lãi suất tăng nhẹ. Chúng tôi khuyến nghị MUA với tiềm năng tăng giá là 27%.

Cập nhật KQKD 2023. Kết thúc năm 2023, LNST của VIB đạt 8,562 tỷ đồng (+1.1%YoY). NIM của VIB giảm nhẹ 2 bps so với cuối năm 2022 còn 4.75%. Tăng trưởng tín dụng năm 2023 của VIB đạt 14.2%YoY. Sự tăng trưởng ở mảng dịch vụ thanh toán, hoạt động kinh doanh vàng và ngoại hối, và hoạt động kinh doanh thu hồi nợ là động lực chính cho tăng trưởng 55% YoY thu nhập ngoài lãi.

Điểm nhấn đầu tư:

Ngân hàng dẫn đầu tăng trưởng nhờ mở rộng các hoạt động kinh doanh cốt lõi. Cho vay mua ô tô của VIB dẫn đầu thị trường với thị phần 12% toàn thị trường, trong khi mảng Cho vay mua nhà có tăng trưởng cao nhất thị trường (45% vào năm 2018, 46% vào năm 2019, 41% vào năm 2020, 25% vào năm 2021, 29% vào năm 2022, 6.3% vào năm 2023). Do đó, tăng trưởng tín dụng của VIB đã đạt tốc độ tăng trưởng ấn tượng, với CAGR 19% trong giai đoạn 2019-2023.

Khả năng cải thiện NIM (Biên lãi thuần) được hỗ trợ bởi chiến lược phát triển ngân hàng bán lẻ và ngân hàng số. NIM của VIB tăng từ 2.9% vào năm 2016 lên 4.75% vào năm 2023, thuộc top những ngân hàng có NIM cao nhất.

Dự báo năm 2024F: Chúng tôi dự phóng tăng trưởng tín dụng của VIB năm 2024 đạt 18.9% nhờ hoạt động kinh tế Việt Nam được kỳ vọng khởi sắc trong năm 2024. Nhờ hoạt động tín dụng tăng trưởng tốt, chúng tôi kỳ vọng mặt bằng lãi suất cho vay cũng sẽ tăng nhẹ trong khi lãi suất huy động tăng chậm hơn, chúng tôi dự phóng NIM năm 2024 đạt 4.85%. Chúng tôi kỳ vọng áp lực nợ xấu sẽ gia tăng do khoảng trống pháp lý trong xử lý nợ xấu và sự ảnh hưởng của những khó khăn năm 2023, nhưng sự phục hồi của nền kinh tế sẽ góp phần giảm nhẹ gánh nặng nợ xấu. Qua đó, chúng tôi dự phóng tỷ lệ nợ xấu năm 2024 đạt 3.59% và chi phí trích lập dự phòng năm 2024 của VIB là 5,287 tỷ đồng (+9%YoY). Do đó, chúng tôi ước tính LNST của VIB năm 2024 là 9,843 tỷ đồng (+15%YoY).

Nhận xét và đánh giá: Bằng phương pháp định giá Residual Income và P/B, chúng tôi khuyến nghị MUA đối với VIB ở mức 27,000 đồng/cổ phiếu, cho thấy tiềm năng tăng giá 27% so với giá hiện tại.

Rủi ro: (1) Tỷ lệ bao phủ nợ xấu thấp nhất trong ngành, và việc gia tăng mạnh nợ cần chú ý, sẽ tạo sức ép lên lợi nhuận của ngân hàng trong năm 2023; (2) Rủi ro lạm phát cao ảnh hưởng đến cho vay bán lẻ.

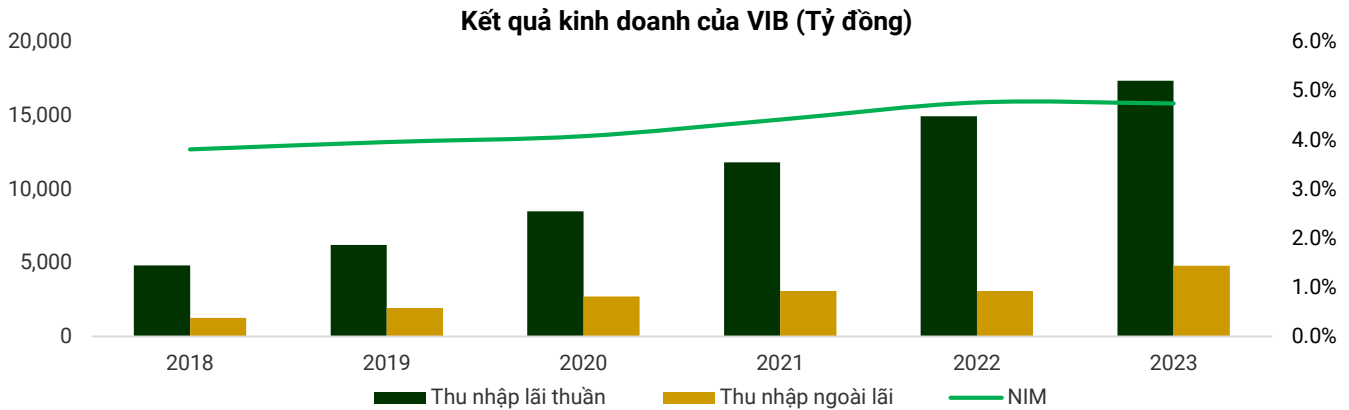
Chỉ số tài chính	2019A	2020A	2021A	2022A	2023A	2024F
Thu nhập lãi thuần	6,213	8,496	11,816	14,963	17,361	20,599
Thu nhập ngoài lãi	1,938	2,720	3,075	3,095	4,800	4,846
Tổng thu nhập hoạt động	8,152	11,216	14,891	18,058	22,160	25,445
Chi phí hoạt động	(3,437)	(4,465)	(5,282)	(6,197)	(6,611)	(7,854)
Chi phí dự phòng	(633)	(948)	(1,598)	(1,280)	(4,847)	(5,287)
Thu nhập trước thuế	4,082	5,803	8,011	10,581	10,703	12,304
Lợi nhuận sau thuế	3,266	4,642	6,410	8,469	8,562	9,843
Tỷ lệ nợ xấu	1.96%	1.74%	2.32%	2.45%	3.14%	3.59%
Tỷ lệ CASA	11.2%	11.9%	16.1%	13.6%	13.2%	14.2%

NỘI DUNG

Kết quả kinh doanh năm 2023	3
Dự phóng kết quả kinh doanh năm 2024	6
Báo cáo tài chính	9

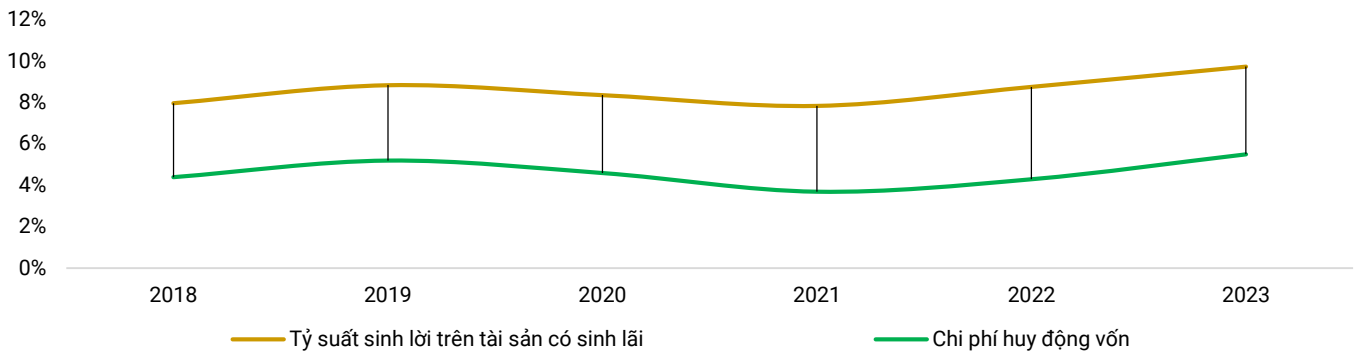
Kết quả kinh doanh năm 2023

Kết thúc năm 2023, LNST của VIB đạt 8,562 tỷ đồng (+1.1%YoY). Thu nhập lãi thuần tăng 16%YoY lên 17,361 tỷ đồng, trong khi thu nhập ngoài lãi tăng 55.1% lên 4,800 tỷ đồng.

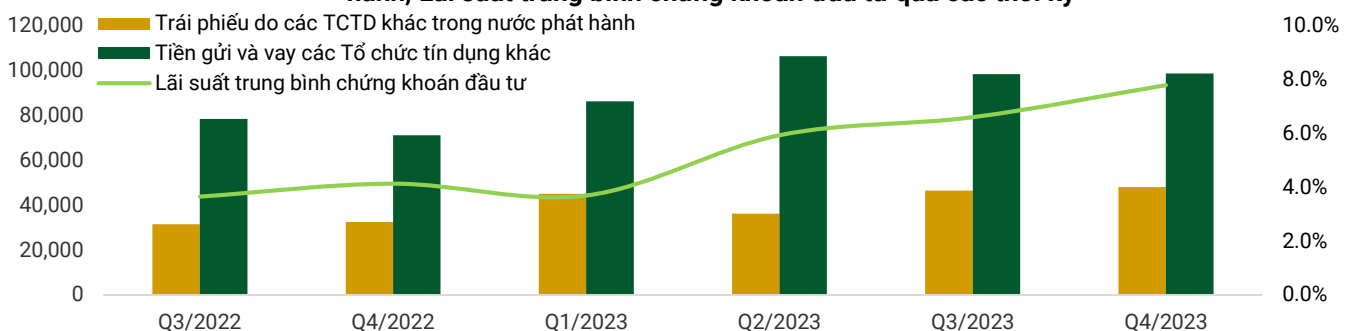


Kết thúc năm 2023, NIM của VIB giảm nhẹ 2 bps so với cuối năm 2022 còn 4.75%, là ngân hàng có mức giảm thấp trong bối cảnh đa số các ngân hàng đều chứng kiến NIM suy giảm. NIM mở rộng nhờ gia tăng nguồn vốn huy động thị trường 2 (+39%YTD lên 98.6 nghìn tỷ đồng) và gia tăng nắm giữ trái phiếu do các tổ chức tín dụng trong nước phát hành (+47%YTD lên 48 nghìn tỷ đồng) với lãi suất trung bình là 7.8%.

NIM, tỷ suất sinh lợi trên tài sản sinh lãi và chi phí huy động vốn của VIB qua các năm



Tiền gửi và vay các tổ chức tín dụng khác, Trái phiếu do các TCTD trong nước phát hành, Lãi suất trung bình chứng khoán đầu tư qua các thời kỳ

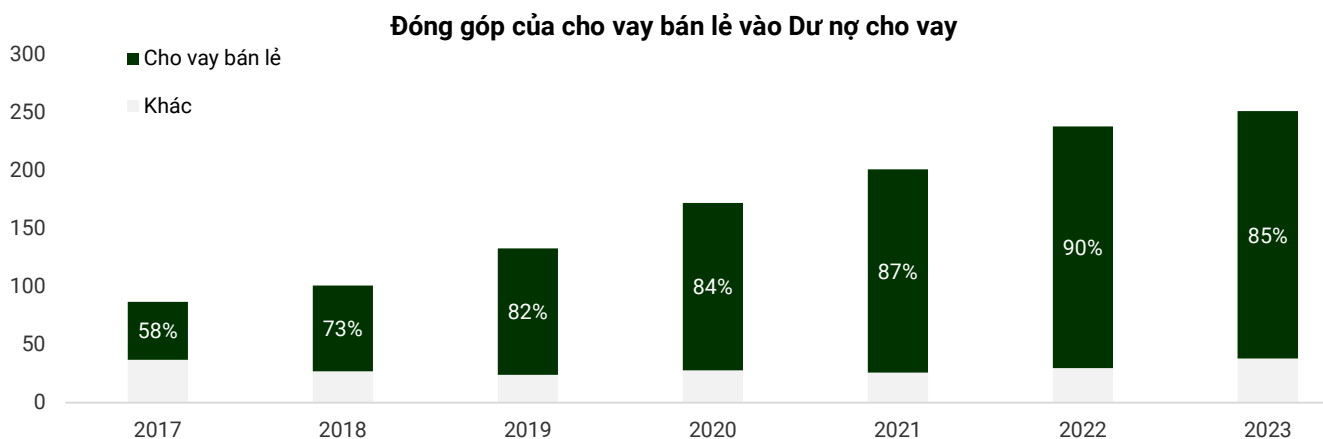


Sự tăng trưởng ở mảng dịch vụ thanh toán, hoạt động kinh doanh vàng và ngoại hối, và hoạt động kinh doanh thu hồi nợ là động lực chính cho thu nhập ngoài lãi. Kết thúc năm 2023, thu nhập ngoài lãi tăng mạnh 55%YoY nhờ:

- (1) Thu nhập từ dịch vụ thanh toán duy trì 1,349 tỷ đồng, chiếm tỷ trọng lớn nhất – 28% thu nhập ngoài lãi, nhờ sự hỗ trợ của ngân hàng số và sự phát triển của mảng thẻ tín dụng.
- (2) Lãi từ kinh doanh vàng và ngoại hối đạt 548 tỷ đồng trong khi cùng kỳ lỗ 275 tỷ đồng, chiếm 11% thu nhập ngoài lãi.
- (3) Thu từ các khoản nợ đã xử lý đạt 693 tỷ đồng, (+84%YoY), chiếm tỷ trọng 14% thu nhập ngoài lãi.

	2022	2023	%YoY
Thu nhập từ dịch vụ thanh toán	1,350	1,349	-0.1%
Lãi/(lỗ) thuần từ kinh doanh ngoại hối và vàng	(275)	548	N/A
Lãi/(lỗ) thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư	(175)	130	-174.3%
Thu nhập từ bancassurance	1,303	880	-32.5%
Thu nhập khác	892	1,893	112.2%
Thu nhập ngoài lãi	3,095	4,800	55%

Tăng trưởng tín dụng năm 2023 của VIB đạt 14.2%YoY. Trong đó, cho vay bán lẻ chiếm 85%, là ngân hàng có tỷ lệ bán lẻ cao nhất trong toàn ngành.

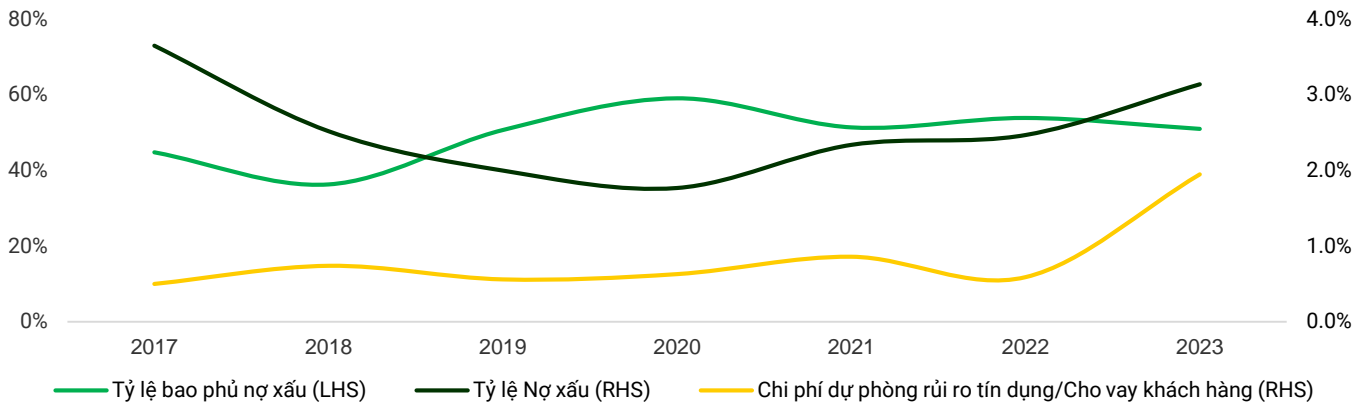


(Nguồn: VIB, PHS tổng hợp)

Chất lượng tài sản của VIB suy giảm trong năm 2023.

Tỷ lệ nợ xấu của VIB đạt 3.14% vào cuối năm 2023. Số dư nợ xấu đạt VND 8,375 tỷ đồng, tăng 47% YoY. Hơn nữa, nợ cần chú ý của VIB tăng 46% YoY lên 14,824 tỷ đồng, chiếm 5.6% dư nợ Cho vay khách hàng. Tỷ lệ bao phủ nợ xấu của VIB đạt 51%, giảm so với mức 53.9% vào cuối năm 2022.

Tỷ lệ bao phủ nợ xấu, Tỷ lệ Nợ xấu, và Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng/Cho vay khách hàng của VIB



Dự phóng kết quả kinh doanh năm 2024

Đvt : tỷ đồng	2019	2020	2021	2022	2023	2024E
Thu nhập lãi thuần	6,213	8,496	11,816	14,963	17,361	20,599
%YoY	28.8%	36.7%	39.1%	26.6%	16.0%	18.7%
Thu nhập ngoài lãi	1,938	2,720	3,075	3,095	4,800	4,846
%YoY	53.7%	40.4%	13.1%	0.7%	55.1%	1.0%
Lợi nhuận sau thuế	3,266	4,642	6,410	8,469	8,562	9,843
%YoY	48.9%	42.1%	38.1%	32.1%	1.1%	15.0%
Tỷ lệ thu nhập lãi thuần/ Tổng thu nhập HĐ	76.2%	75.7%	79.3%	82.9%	78.3%	81.0%
Tỷ lệ chi phí hoạt động/ Tổng thu nhập HĐ	42.2%	39.8%	35.5%	34.3%	29.8%	30.9%
Tỷ lệ trích Dự phòng/ Tổng thu nhập HĐ	7.8%	8.5%	10.7%	7.1%	21.9%	20.8%

Chúng tôi dự phóng tăng trưởng tín dụng của VIB năm 2024 đạt 18.9% nhờ:

(1) Hoạt động kinh tế Việt Nam được kỳ vọng sẽ tăng tốc trở lại trong năm 2024 nhờ kỳ vọng nhu cầu thế giới tăng trở lại. Sự khởi sắc của nền kinh tế Việt Nam và thế giới sẽ hỗ trợ hoạt động tín dụng;

(2) Chiến lược kinh doanh của VIB tập trung tăng trưởng khách hàng bán lẻ;

Trong năm 2024, chúng tôi kỳ vọng mặt bằng lãi suất cho vay tăng nhẹ, trong khi lãi suất huy động sẽ tăng chậm hơn. Vì vậy, chúng tôi ước tính NIM của VIB trong năm 2024 đạt 4.82%, tăng 7 bps so với cuối năm 2023.

Ngân hàng Nhà Nước ban hành Thông tư 02/2023/TT-NHNN cho phép giữ nguyên nhóm nợ nhằm hỗ trợ khách hàng gặp khó khăn có hiệu lực đến hết ngày 30/6/2024. Sang năm 2024, chúng tôi kỳ vọng nhiều khả năng NHNN sẽ gia hạn Thông tư 02/2023/TT-NHNN. Nhưng việc Nghị quyết 42/2017/QH14 về xử lý nợ xấu hết hạn trong năm 2023 sẽ tạo ra khoảng trống pháp lý trong giải quyết nợ xấu. Dù vậy, sự phục hồi của nền kinh tế sẽ góp phần giảm nhẹ gánh nặng nợ xấu. Qua đó, chúng tôi dự phóng tỷ lệ nợ xấu năm 2024 đạt 3.59%.

Hơn nữa, Thông tư 02/2023/TT-NHNN cho phép NHTM trích tối thiểu 50% và 100% số tiền dự phòng cụ thể phải trích bổ sung trong năm 2023 và 2024. Chúng tôi ước tính chi phí trích lập dự phòng năm 2024 của VIB là 5,287 tỷ đồng (+9.1%YoY). Do đó, chúng tôi ước tính LNST của VIB năm 2024 là 9,843 tỷ đồng (+15%YoY).

Định giá và khuyến nghị

Sử dụng phương pháp định giá chiết khấu lợi nhuận thặng dư (Residual Income) và P/B, chúng tôi xác định mức giá hợp lý đối với VIB là 27,000 VNĐ/CP, tương ứng mức P/E và P/B forward 2024 lần lượt là 6.9x và 1.4x. Qua đó, chúng tôi đưa ra khuyến nghị: Mua cho cổ phiếu VIB, với upside so với giá hiện tại là 27%.

Các tiêu chí (Đvt : tỷ đồng)	2024E	2025E	2026E	2027E	2028E
Chi phí VCSH	14.2%	14.2%	14.2%	14.2%	14.2%
Chi phí VCSH dài hạn					14.2%
Tăng trưởng dài hạn sau 2028					3%
Lợi nhuận ròng	9,843	11,079	12,474	13,810	15,657
Thu nhập thặng dư	4,456	4,294	4,116	3,680	3,566
Giá trị hiện tại của Thu nhập thặng dư (5 năm)	3,921	3,306	2,758	2,171	18,907
Giá trị hiện tại của Giá trị cuối cùng	17,053				
Tổng giá trị hiện tại của dòng thu nhập thặng dư	31,063				
Vốn chủ sở hữu	37,939				
Cổ phiếu lưu hành (triệu cổ phiếu)	2.537				
Giá hợp lý	27,200				

Phương pháp P/B

Giá trị sổ sách/CP	18,836
LTM P/B	1.4x
Giá hợp lý (VNĐ/CP)	26,370

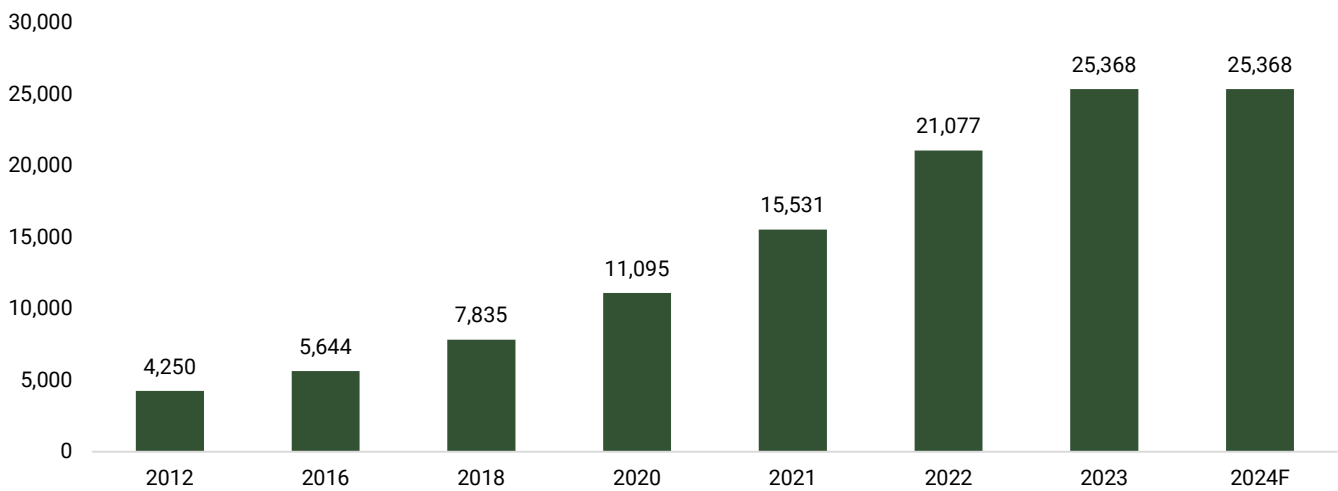
	Residual Income	P/B	Giá hợp lý
Giá hợp lý (VNĐ/CP)	27,200	26,370	27,000 VNĐ/cp
Tỷ trọng	80%	20%	

Sơ lược công ty



Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quốc tế Việt Nam (VIB) được thành lập vào năm 1996. VIB hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực huy động vốn, cho vay tín dụng. Ngoài ra, Ngân hàng còn tham gia các hoạt động thanh toán quốc tế, kinh doanh ngoại hối, đầu tư tài chính, quản lý rủi ro và bảo toàn vốn. VIB được niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE) từ tháng 10/2020.

Quá trình tăng vốn (Tỷ VND)



(Nguồn: VIB, PHS dự phóng)

Báo cáo tài chính

Tỷ VND

Kết quả kinh doanh	2019A	2020A	2021A	2022A	2023	2024F
Thu nhập lãi	13,861	17,437	20,975	27,509	35,568	36,515
Chi phí lãi	(7,648)	(8,941)	(9,159)	(12,547)	(18,207)	(15,916)
Thu nhập lãi thuần	6,213	8,496	11,816	14,963	17,361	20,599
Thu nhập ngoài lãi	1,938	2,720	3,075	3,095	4,800	4,846
Tổng thu nhập hoạt động	8,152	11,216	14,891	18,058	22,160	25,445
Chi phí hoạt động	(3,437)	(4,465)	(5,282)	(6,197)	(6,611)	(7,854)
Lợi nhuận thuần trước dự phòng	4,715	6,751	9,609	11,861	15,549	17,591
Chi phí dự phòng	(633)	(948)	(1,598)	(1,280)	(4,847)	(5,287)
Tổng lợi nhuận trước thuế	4,082	5,803	8,011	10,581	10,703	12,304
Chi phí thuế	(816)	(1,161)	(1,601)	(2,112)	(2,141)	(2,461)
Lợi nhuận sau thuế	3,266	4,642	6,410	8,469	8,562	9,843
Cân đối kế toán	2019A	2020A	2021A	2022A	2023	2024F
Tiền và tương đương tiền	1,160	1,422	1,522	1,618	1,681	1,941
Tiền gửi tại NHNN	19,040	24,592	24,891	10,063	8,218	13,670
Tiền gửi tại các TCTD	4,012	4,369	27,985	51,900	68,198	74,294
Đầu tư ngắn hạn	0	24	0	21	157	157
Cho vay Khách hàng	129,200	169,520	201,517	231,944	266,346	316,191
Dự phòng rủi ro cho vay	(1,286)	(1,748)	(2,400)	(3,065)	(4,271)	(6,436)
Chứng khoán đầu tư	27,842	41,372	44,737	40,279	60,988	57,390
Góp vốn, đầu tư dài hạn	106	74	70	69	69	69
Tài sản cố định	228	263	302	408	467	495
Tài sản khác	3,766	4,396	10,434	9,438	7,723	8,109
Tổng cộng tài sản	184,531	244,676	309,517	343,069	409,881	466,186
Tổng nợ phải trả	171,102	226,702	285,226	310,418	371,942	418,404
Nợ Chính phủ & NHNN	0	0	0	0	0	0
Tiền vay của các TCTD	27,225	42,488	64,456	71,166	98,640	98,640
Tiền gửi của khách hàng	122,357	150,349	173,565	200,124	236,577	273,394
Giấy tờ có giá	17,155	28,559	42,298	31,775	23,897	30,870
Các khoản nợ khác	4,365	5,306	4,907	7,353	12,828	15,500
Vốn chủ sở hữu	13,430	17,974	24,291	32,651	37,939	47,782
Tổng nguồn vốn	184,531	244,676	309,517	343,069	409,881	466,186

Chỉ tiêu tăng trưởng	2019A	2020A	2021A	2022A	2023	2024F
Tăng trưởng tín dụng	34.4%	31.2%	19.2%	14.5%	14.2%	18.9%
Tăng trưởng huy động tiền gửi	44.2%	22.9%	15.4%	15.3%	18.2%	15.6%
Tăng trưởng thu nhập lãi thuần	28.8%	36.7%	39.1%	26.6%	16.0%	18.7%
Tăng trưởng thu nhập ngoài lãi	53.7%	40.4%	13.1%	0.7%	55.1%	1.0%
Tăng trưởng thu nhập hoạt động	33.9%	37.6%	32.8%	21.3%	22.7%	14.8%
Tăng trưởng lợi nhuận trước thuế	48.8%	42.2%	38.0%	32.1%	1.2%	15.0%
Tăng trưởng tổng tài sản	32.6%	32.6%	26.5%	10.8%	19.5%	13.7%
Tăng trưởng Tài sản Có sinh lãi (IEA)	32.7%	33.2%	24.6%	11.6%	20.6%	13.9%
Tăng trưởng Nợ chịu lãi (IBL)	33.1%	32.8%	26.6%	8.1%	18.5%	12.2%

Chỉ số tài chính	2019A	2020A	2021A	2022A	2023	2024F
Khả Năng Sinh Lãi						
Tỷ trọng thu nhập lãi thuần	76.2%	75.7%	79.3%	82.9%	78.3%	81.0%
Tỷ trọng thu nhập ngoài lãi	23.8%	24.3%	20.7%	17.1%	21.7%	19.0%
Tỷ suất LN ròng	40.1%	41.4%	43.0%	46.9%	38.6%	38.7%
ROAA	2.0%	2.2%	2.3%	2.6%	2.3%	2.2%
ROAE	27.1%	29.6%	30.3%	29.7%	24.3%	23.0%
Chỉ số riêng						
Tỷ lệ Chi Phí/ Thu nhập HĐ (CIR)	42.2%	39.8%	35.5%	34.3%	29.8%	30.9%
Tỷ lệ cho vay/ Tiền gửi (LDR) (*)	78.5%	76.6%	72.0%	76.1%	73.2%	77.2%
Tỷ lệ thu nhập lãi cận biên (NIM)	4.0%	4.1%	4.4%	4.8%	4.75%	4.8%
Tỷ lệ thu nhập ngoài lãi cận biên (NNIM)	1.2%	1.3%	1.1%	1.0%	1.3%	1.1%
Tỷ lệ tiền gửi không kỳ hạn (CASA)	11.2%	11.9%	16.1%	13.6%	13.2%	14.2%
Tỷ lệ nợ xấu (NPL)	1.96%	1.74%	2.32%	2.45%	3.14%	3.59%
Tỷ lệ quỹ DPRR/Nợ xấu (LLR)	50.7%	59.1%	51.4%	53.9%	51.0%	56.7%
Tỷ lệ quỹ DPRR/Dư nợ cho vay KH	1.0%	1.0%	1.2%	1.3%	1.6%	2.0%

(Nguồn: PHS tổng hợp)

Đảm bảo phân tích

Báo cáo được thực hiện bởi Nguyễn Thị Thảo Vy, Chuyên viên phân tích – Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng. Mỗi nhân viên phụ trách về phân tích, chiến lược hay nghiên cứu chịu trách nhiệm cho sự chuẩn bị và nội dung của tất cả các phần có trong bản báo cáo nghiên cứu này đảm bảo rằng, tất cả các ý kiến của những người phân tích, chiến lược hay nghiên cứu đều phản ánh trung thực và chính xác ý kiến cá nhân của họ về những vấn đề trong bản báo cáo. Mỗi nhân viên phân tích, chiến lược hay nghiên cứu đảm bảo rằng họ không được hưởng bất cứ khoản chi trả nào trong quá khứ, hiện tại cũng như tương lai liên quan đến các khuyến cáo hay ý kiến thể hiện trong bản báo cáo này.

Định nghĩa xếp loại

Mua = cao hơn thị trường nội địa trên 10%

Giữ = bằng thị trường nội địa với tỉ lệ từ +10%~ -10%

Bán = thấp hơn thị trường nội địa dưới 10%.

Không đánh giá = cổ phiếu không được xếp loại trong Phú Hưng hoặc chưa niêm yết.

Biểu hiện được xác định bằng tổng thu hồi trong 12 tháng (gồm cả cổ tức).

Miễn trừ trách nhiệm

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng không chịu trách nhiệm về sự hoàn chỉnh hay tính chính xác của báo cáo. Đây không phải là bản chào hàng hay sự nài khẩn mua của bất cứ cổ phiếu nào. Chứng khoán Phú Hưng và các chi nhánh và văn phòng và nhân viên của mình có thể có hoặc không có vị trí liên quan đến các cổ phiếu được nhắc tới ở đây. Chứng khoán Phú Hưng (hoặc chi nhánh) đôi khi có thể có đầu tư hoặc các dịch vụ khác hay thu hút đầu tư hoặc các hoạt động kinh doanh khác cho bất kỳ công ty nào được nhắc đến trong báo cáo này. Tất cả các ý kiến và dự đoán có trong báo cáo này được tạo thành từ các đánh giá của Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng vào ngày này và có thể thay đổi không cần báo trước.

© Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng

Tầng 21, Phú Mỹ Hưng Tower,
8 Hoàng Văn Thái, Phường Tân Phú, Quận 7, Tp.HCM

Điện thoại: (84-28) 5 413 5479

Customer Service: 1900 25 23 58

E-mail: info@phs.vn / support@phs.vn

Fax: (84-28) 5 413 5472

Call Center: (84-28) 5 413 5488

Web: www.phs.vn

PGD Phú Mỹ Hưng

Tòa nhà CR2-08,
107 Tôn Dật Tiên, Phường Tân Phú, Quận 7,
Tp.HCM

Điện thoại: (+84-28) 5 413 5478

Fax: (+84-28) 5 413 5473

Chi nhánh Quận 1

Phòng 1003A, Tầng 10, Tòa nhà Ruby
81-83-83B-85 Hàm Nghi,
Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Tp.HCM

Điện thoại: (+84-28) 3 535 6060

Fax: (+84-28) 3 535 2912

Chi nhánh Quận 3

Tầng 4 và 5, D&D Tower,
458 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường 2, Quận
3, Tp.HCM

Điện thoại: (+84-28) 3 820 8068

Fax: (+84-28) 3 820 8206

Chi nhánh Tân Bình

Tòa nhà Park Legend,
251 Hoàng Văn Thụ, Phường 2, Quận Tân
Bình, Tp.HCM.

Điện thoại: (+84-28) 3 813 2401

Fax: (+84-28) 3 813 2415

Chi nhánh Thanh Xuân

Tầng 5, Tòa nhà UDIC Complex,
N04 Hoàng Đạo Thúy, Phường Trung Hòa,
Quận Cầu Giấy, Hà Nội

Phone: (+84-24) 6 250 9999

Fax: (+84-24) 6 250 6666

Chi nhánh Hà Nội

Tầng 5, Tòa nhà Vinafor,
Số 127 Lò Đúc, Phường Đồng Mác, Quận
Hai Bà Trưng, Hà Nội

Phone: (+84-24) 3 933 4566

Fax: (+84-24) 3 933 4820

Chi nhánh Hải Phòng

Tầng 2, Tòa nhà Eliteco,
18 Trần Hưng Đạo, Quận Hồng Bàng, Hải
Phòng

Phone: (+84-22) 384 1810

Fax: (+84-22) 384 1801